

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH TƯỜNG
TỈNH VĨNH PHÚC**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 40/2018/HNGĐ - ST
Ngày 29 tháng 8 năm 2018
“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH TƯỜNG, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đỗ Thị Minh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Minh

2. Bà Lê Thị Tôn Thiết

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hải – Là Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường tham gia phiên toà:
Ông Đặng Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 67/2018/TLST - HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1993 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 11 khu 3, phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ

2. Bị đơn: Anh Hà Văn S, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Nơi đăng ký HKTT: Xóm 4 thôn D, xã V, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; hiện nay đang chấp hành án phạt tù tại đội 5, phân trại số 4 thuộc Trại giam T; địa chỉ: Xã M, huyện Y, tỉnh Phú Thọ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15/3/2018 cùng các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị kết hôn với anh Hà Văn S ngày

31/10/2010 trước khi cưới có tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện V. Sau ngày cưới chị và anh S ở tại nhà bố mẹ đẻ chị ở phường T, thành phố V, tỉnh cảm vợ chồng ban đầu hạnh phúc. Đến năm 2013 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh S chơi bời nghiện ma túy, chị khuyên anh đi cai nghiện nhưng anh không thừa nhận có nghiện ma túy. Nhiều lần anh còn đập phá tài sản và đánh chị, năm 2015 anh bị Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 01 năm tù về tội trộm cắp tài sản, tháng 6/2017 anh bị Toà án nhân dân thành phố V, tỉnh Phú Thọ xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, hiện nay đang đi chấp hành án tại trại giam T thuộc huyện Y, tỉnh Phú Thọ. Chị và anh S đã sống ly thân từ tháng 6/2017 nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn với anh S.

Tại phiên tòa bị đơn anh Hà Văn S vắng mặt nhưng theo biên bản lấy lời khai ngày 23/7/2018 tại Trại giam T tỉnh Phú Thọ anh S trình bày: Anh thừa nhận chị L trình bày đúng về thời gian kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống, thời gian anh bị Tòa án xét xử về hành vi phạm tội và thời gian vợ chồng đã sống ly thân. Nguyên nhân mâu thuẫn do năm 2015 anh bị Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Phú Thọ xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” sau đó anh đi chấp hành án tại Trại giam T, tỉnh Phú Thọ nên tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn chị L xin ly hôn anh đồng ý, anh đang chấp hành án tại Trại giam T, tỉnh Phú Thọ nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt (anh S có đơn xin xét xử vắng mặt).

Về con chung: Chị L khai vợ chồng có 01 con chung là Hà Trọng Q sinh ngày 04/3/2013 hiện nay cháu đang ở với chị, ly hôn chị xin nuôi cháu Q không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh S khai: Anh thừa nhận chị L khai đúng về con chung, ly hôn anh xin nuôi cháu Q không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung. Vì anh còn khoảng 40 ngày nữa thì ra tù, sau khi ra tù anh sẽ cố gắng làm ăn để nuôi con.

Chị L khai: Tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức, đất canh tác không có gì nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Anh S khai: Tài sản chung, công nợ, đất canh tác anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký Tòa án và việc

chấp hành pháp luật của các đương sự đồng thời phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Hà Văn S.

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị L tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hà Trọng Q sinh ngày 04/3/2013, chị L không yêu cầu anh Hà Văn S phải cấp dưỡng nuôi con chung, anh S có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức, đất canh tác: Chị L, anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết. Án phí chị L phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng dân sự: Chị Nguyễn Thị L có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường giải quyết việc hôn nhân của chị và anh Hà Văn S theo quy định tại Điều 29 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

Về sự vắng mặt của anh S đã có lời khai và có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với đương sự trên.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Năm 2010 chị Nguyễn Thị L kết hôn với anh Hà Văn S trên cơ sở tự nguyện, trước khi cưới có tìm hiểu có đăng ký kết hôn là cuộc hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nên đã có 01 con chung, trong quá trình chung sống do anh S chơi bời, nghiện ma túy nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Mặt khác anh S còn sa vào các tệ nạn xã hội, vi phạm pháp luật nên năm 2015 anh bị Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 01 năm tù về tội trộm cắp tài sản, năm 2017 bị Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Phú Thọ xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” hiện nay đang đi chấp hành án phạt tù tại Trại giam T tỉnh Phú Thọ, từ đó chị L chán nản nên tình cảm vợ chồng rạn nứt và đã sống ly thân nhau từ tháng 6/2017 cho đến nay. Điều đó chứng tỏ rằng tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không đạt được nên căn cứ

vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình giải quyết cho chị L được ly hôn với anh S là phù hợp.

[2]. Về con chung: Chị L, anh S có 01 con chung là cháu Q hiện nay cháu đang ở với chị L, ly hôn cả hai anh chị đều xin nuôi con là hoàn toàn chính đáng. Nhưng xét điều kiện nuôi con của hai bên thấy, hiện nay anh S đang chấp hành án phạt tù tại trại giam T tỉnh Phú Thọ. Xác minh tại địa phương cho biết anh S là đối tượng nghiện chất ma túy nay đang đi chấp hành án tại trại giam T. Mặc dù chỉ còn thời gian ngắn nữa thì anh S chấp hành xong án phạt tù, nhưng sau khi ra tù anh chưa có công ăn việc làm ổn định nên không có điều kiện để chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Q. Tại phiên tòa chị L xác định chị có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng và đảm bảo được việc học hành của cháu Q, vì chị có cửa hàng bán quần áo tại thành phố V. Mặt khác cháu Q hiện nay còn nhỏ rất cần sự chăm sóc của người mẹ, vì vậy căn cứ vào Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình giao cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Q là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3]. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức, đất canh tác: Chị L, anh S đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị L là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo bản án các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Hà Văn S.

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị L tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Hà Trọng Q sinh ngày 04/3/2013, chị L không yêu cầu anh Hà Văn S phải cấp dưỡng nuôi con chung, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức, đất canh tác: Chị Nguyễn Thị L, anh Hà Văn S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2016/0003688 ngày 21/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường, chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Hà Văn S vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Vĩnh Tường;
- CCTHADS huyện Vĩnh Tường;
- Các đương sự;
- UBND xã V;
- Lưu hồ sơ vụ án + văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đỗ Thị Minh Bình